

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Lai Châu năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2943/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh ban hành chương trình cải cách hành chính tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng lộ trình quy định tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2943/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh ban hành chương trình cải cách hành chính tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030.

- Xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo liên thông, đồng bộ, thống nhất thực hiện hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan Nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín trong thực hiện nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Xác định người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

2. Yêu cầu

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 đảm bảo khoa học, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các nhiệm vụ cải cách hành chính phải cụ thể theo từng lĩnh vực, xác định kết quả cần đạt được, mốc thời gian hoàn thành, phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm thực hiện. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tối thiểu 30% số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố được kiểm tra cải cách hành chính năm 2025. Trong đó, ít nhất 50% hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn được đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính.

- 100% UBND cấp huyện được đánh giá mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025.

2. Cải cách thể chế

- Trên 95% các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được kiểm tra, rà soát. Kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- 100% TTHC được công bố, công khai niêm yết tại Bộ phận Một cửa các cấp theo đúng quy định; 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được giải quyết đảm bảo theo quy định.

- Đảm bảo 100% Dịch vụ công trực tuyến đáp ứng đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95% (tính theo *Bộ Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công*); tỷ lệ hồ sơ TTHC do các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn đạt trên 98%.

- Tối thiểu 70% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt hoặc vượt mục tiêu năm 2025 của Chính phủ giao.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt tối thiểu mục tiêu Chính phủ giao.

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp tăng tối thiểu 20% so với năm 2024; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%; 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, trong đó cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC (*Thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính*).

- 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời; rà soát 100% TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý được rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa bảo đảm cắt, giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% TTHC và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ TTHC (*Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Hợp nhất, sáp nhập, giải thể một số cơ quan, đơn vị sự nghiệp theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về sắp xếp, tổ chức, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối, phân đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Tiếp tục thực hiện giảm biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, phấn đấu đến năm 2026 giảm 5% biên chế công chức, 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

5. Cải cách chế độ công vụ

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

6. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo chỉ đạo của các bộ ngành Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là công tác tổng kiểm kê tài sản công.

- Tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Tiếp tục đôn đốc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách.

7. Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

- 50% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, tập trung tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, tuyên truyền Đề án 06 và các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Đổi mới, đa dạng các phương pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đảm bảo phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, địa phương, phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Tổ chức đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện. Điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính, đo lường mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2025.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

Tăng cường công tác tiếp công dân, đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai, nhân rộng các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

3. Nâng cao tính chủ động, hiệu quả trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư, ưu tiên nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện hoặc ban hành mới một số chính sách, tạo điều kiện để thu hút các nhà đầu tư vào thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh. Tăng cường vai trò phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và vai trò giám sát của cá nhân, tổ chức trong thi hành pháp luật.

4. Thực hiện quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính, tập trung triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện việc rà soát, tái cấu trúc quy trình, đề xuất tích hợp để cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo hướng loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; đặc biệt cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Thực hiện phân cấp các TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp

luật, bảo đảm phù hợp, khả thi nhằm giảm tầng nấc, khâu trung gian, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

5. Tiếp tục rà soát, hợp nhất, sáp nhập, giải thể một số cơ quan, đơn vị theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về sắp xếp, tổ chức, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; tập trung rà soát, sắp xếp tổ chức không đủ biên chế tối thiểu để thành lập tổ chức bộ máy, các tổ chức hoạt động không hiệu quả, có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp sau khi sắp xếp, kiện toàn để đảm bảo không ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục thực hiện nghiêm Quyết định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế và tinh giản biên chế. Thực hiện tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Tăng cường phân cấp hợp lý giữa tỉnh và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan đơn vị.

6. Quyết định điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn của địa phương. Tiếp tục triển khai áp dụng vị trí việc làm để xác định biên chế, chỉ tiêu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, ngạch công chức chức, danh nghề nghiệp viên chức, trình độ đào tạo cho phù hợp.

Thực hiện đảm bảo chặt chẽ các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức. Tập trung chỉ đạo việc tổ chức tiếp nhận, tuyển dụng công chức cho các cơ quan, địa phương trong tỉnh đảm bảo cơ cấu vị trí việc làm, số lượng biên chế trên cơ sở đã tính lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026. Dừng tuyển dụng, tiếp nhận công chức đối với những nơi chưa hoàn thành việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm kết luận, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các cơ quan, địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra nội bộ để kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

7. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công. Tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập; phân loại và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đôn đốc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách.

8. Cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và hoàn thiện kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành trung ương theo yêu cầu của các cơ quan chuyên môn trên địa bàn tỉnh và các bộ, ngành trung ương. Ban hành các chính sách thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hoạt động ứng dụng CNTT và các chính sách liên quan phục vụ chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Triển khai có hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Xây dựng và triển khai có hiệu quả các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của các cơ quan nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố được giao chủ trì các nội dung, nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, thực hiện đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Đối với các nội dung là nhiệm vụ thường xuyên, các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí kinh phí hợp lý cho hoạt động cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị. Đối với một số nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì lập dự toán, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lai Châu;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo;
- Trang thông tin Cải cách hành chính tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, Ks5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH (8 mục tiêu, 14 nhiệm vụ, 19 hoạt động)							
1	Mục tiêu 1 Công tác tuyên truyền được thực hiện kịp thời, thường xuyên, hiệu quả	Nhiệm vụ 1 Tuyên truyền cải cách hành chính trên Báo Lai Châu, Đài Phát thanh truyền hình, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin cải cách hành chính	Hoạt động 1 Xây dựng, đăng tin, phát sóng các chuyên mục, tin, bài.. tuyên truyền về cải cách hành chính, tăng cường các tin video về kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	Tin, bài, video, ảnh...	Đài phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
		Nhiệm vụ 2 Tuyên truyền CCHC, các Chỉ số cải cách hành chính thông qua các hội nghị, hội thảo, các lớp bồi dưỡng cchc	Hoạt động 2 Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác CCHC tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025	Hội nghị sơ kết	Sở Nội vụ, các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Quý II
			Hoạt động 3 Xây dựng video kết quả CCHC trên địa bàn tỉnh tại Hội nghị sơ kết công tác CCHC tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025	Video kết quả CCHC tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ, các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Quý I,II

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			Hoạt động 4 Mở 01 lớp bồi dưỡng cải cách hành chính cho công chức tham mưu CCHC cấp tỉnh, cấp huyện	Lớp bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Quý III
		Nhiệm vụ 3 Kịp thời triển khai các tài liệu, văn bản chỉ đạo CCHC mới nhất của Trung ương, của tỉnh thông qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành	Hoạt động 5 Tổng hợp các văn bản, tài liệu chỉ đạo CCHC của Trung ương, của tỉnh gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh để tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản, tài liệu	Sở Nội vụ	Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
2	Mục tiêu 2 Duy trì, cải thiện Chỉ số CCHC (PAR INDEX) tỉnh Lai Châu	Nhiệm vụ 4 Tự chấm điểm Chỉ số PAR INDEX tỉnh Lai Châu năm 2024 đảm bảo theo kế hoạch của Bộ Nội vụ	Hoạt động 6 Tự chấm điểm, nhập dữ liệu và gửi Báo cáo kết quả tự chấm điểm Chỉ số PAR INDEX tỉnh Lai Châu năm 2024 đảm bảo thời gian	Báo cáo tự chấm điểm	Sở Nội vụ	Các sở: Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh	Quý I (theo thời gian Bộ Nội vụ hướng dẫn)
		Nhiệm vụ 5 Triển khai các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC năm 2025	Hoạt động 7 Hội nghị, tọa đàm phân tích chỉ số Par index 2024; Ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao	Báo cáo phân tích Chỉ số Par index, các tài liệu phục vụ buổi Tọa đàm; Kế hoạch cải	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, Các sở, ban, ngành, UBND	Quý II (ngay sau khi tổ chức Hội nghị công bố

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			chỉ số CCHC năm 2025; các văn bản chỉ đạo, đơn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	thiện, nâng cao chỉ số; Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, văn bản đơn đốc, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước		các huyện, thành phố	Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ)
3	Mục tiêu 3 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND các huyện, thành phố được đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2024	Nhiệm vụ 6 Triển khai đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2024	Hoạt động 8 Các đơn vị tự chấm điểm và thẩm định kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị của Hội đồng thẩm định	Các văn bản triển khai hướng dẫn, đơn đốc; Báo cáo kết quả thẩm định Chỉ số CCHC năm 2024 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Hội đồng xác định chỉ số CCHC tỉnh	Quý I, II
		Nhiệm vụ 7 Điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC	Hoạt động 9 Tổ chức điều tra xã hội học	Phương án điều tra, Quyết định tổ chức điều tra, Báo cáo kết quả điều tra	Sở Nội vụ	Buru điện tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I,II
		Nhiệm vụ 8 Công bố Chỉ số CCHC năm 2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND các huyện, thành phố	Hoạt động 10 Tổ chức Hội nghị, tọa đàm công bố	Giấy mời Hội nghị; Tài liệu công bố Chỉ số CCHC (Quyết định công bố chỉ số CCHC; Báo cáo kết quả Chỉ số CCHC năm	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý II

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
				2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố			
4	Mục tiêu 4 Tối thiểu 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố được kiểm tra cải cách hành chính, kết hợp kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra công vụ	Nhiệm vụ 9 Kiểm tra công tác cải cách hành chính, kết hợp kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra công vụ năm 2025	Hoạt động 11 Ban hành Kế hoạch kiểm tra, Thông báo kiểm tra, tổ chức kiểm tra	Kế hoạch, Thông báo kết luận kiểm tra, Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Nội vụ, các cơ quan trong Đoàn kiểm tra	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố	Kiểm tra xong trước tháng 11/2025
5	Mục tiêu 5 Nâng cao mức độ hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính; dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế năm 2025;	Nhiệm vụ 10 Điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế	Hoạt động 12 Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích đánh giá kết quả điều tra sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025	Kế hoạch điều tra, Quyết định phê duyệt phương án, mẫu phiếu điều tra, Quyết định công bố, báo cáo phân tích Chỉ số hài lòng	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố	Xong trước tháng 12/2024

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			<p>Hoạt động 13 Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích đánh giá kết quả điều tra đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2025</p>		Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
			<p>Hoạt động 14 Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích đánh giá kết quả điều tra đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2025</p>		Sở Y tế		
6	<p>Mục tiêu 6 Tăng cường hoạt động đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp</p>	<p>Nhiệm vụ 11 Tổ chức Hội nghị gặp mặt doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp</p>	<p>Hoạt động 15 Ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị gặp mặt doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp</p>	Kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm
		<p>Nhiệm vụ 12 Xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp</p>	<p>Hoạt động 16 Ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp tại cuộc đối thoại</p>	Các văn bản chỉ đạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7	Mục tiêu 7 Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Nhiệm vụ 13 Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	Hoạt động 17 Ban hành Kế hoạch Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025	Kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý II
			Hoạt động 18 Tổ chức đánh giá, công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh của các sở, ngành, địa phương	Quyết định công bố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I,II
8	Mục tiêu 8 Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025	Nhiệm vụ 14 Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025	Hoạt động 19 Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025	Kế hoạch, báo cáo, công văn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ (03 mục tiêu, 03 nhiệm vụ, 08 hoạt động)						
1	Mục tiêu 1 Trên 95% các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương	Nhiệm vụ 1 Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; đảm bảo kịp thời; đúng trình tự thủ tục ban hành; phù hợp với quy định của cấp trên và tỉnh	Hoạt động 1 Ban hành các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương	Nghị quyết, Quyết định	Hội đồng nhân dân, UBND các cấp	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
2	Mục tiêu 2: 100% các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	hình thực tế của địa phương	Hoạt động 2: Định kỳ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Kế hoạch, Báo cáo về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Trong năm
			Hoạt động 3 Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, theo ngành/ lĩnh vực quản lý nhà nước	Kế hoạch, Báo cáo về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	
			Hoạt động 4 Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền	Kế hoạch, Báo cáo về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Trong năm
3	Mục tiêu 3 Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thi hành pháp luật	Nhiệm vụ 2 Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Hoạt động 5 Tổ chức các Hội nghị phổ biến pháp luật; Đăng tải, công khai thông tin trên Cổng, Trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị...	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả việc Phổ biến, giáo dục pháp luật	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Trong năm
		Nhiệm vụ 3 Thực hiện đầy đủ 03 hoạt	Hoạt động 6 Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật	Kế hoạch, Báo cáo công tác theo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		động về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định	<p>Hoạt động 7 Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</p> <p>Hoạt động 8 Thực hiện hoạt động điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật</p>	đổi tình hình thi hành pháp luật			
					UBND cấp huyện		
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (10 mục tiêu, 10 nhiệm vụ, 11 hoạt động)						
1	<p>Mục tiêu 1 Đảm bảo 100% TTCH được công bố, công khai niêm yết tại Bộ phận một cửa các cấp theo đúng quy định</p>	<p>Nhiệm vụ 1 Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính theo quy định</p>	<p>Hoạt động 1 Thống kê, lập danh mục TTCH được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố; trích xuất danh mục, nội dung TTCH từ Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin giải quyết TTCH tỉnh; giải quyết TTCH đúng quy định tại Bộ phận một cửa các cấp</p>	Báo cáo Kiểm soát thủ tục hành chính năm	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm
2	<p>Mục tiêu 2 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức</p>	<p>Nhiệm vụ 2 Thực hiện nghiêm việc xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả đối với hồ sơ trễ hạn</p>	<p>Hoạt động 2 Thông báo bằng văn bản cho Bộ phận Một cửa và gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân,</p>	Văn bản xin lỗi người dân, tổ chức	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã,	Văn phòng UBND tỉnh; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả		phường, thị trấn		
3	Mục tiêu 3 100% phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức được giải quyết đảm bảo theo quy định	Nhiệm vụ 3 Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, bất cập cho cá nhân, tổ chức	Hoạt động 3 Tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; chuyển ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền về các phản ánh, kiến nghị đến tổ chức, cá nhân	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt 100%	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm
4	Mục tiêu 4 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đáp ứng điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Nhiệm vụ 4 Tích hợp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đủ điều kiện lên trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Hoạt động 4 Thực hiện rà soát, đánh giá việc cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; công bố danh mục TTHC cung cấp trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quyết định Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	<p>Mục tiêu 5</p> <p>Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95% (tính theo Bộ Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công); tỷ lệ hồ sơ TTHC do các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn đạt trên 98%.</p>	<p>Nhiệm vụ 5</p> <p>Nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức trong tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết sớm hạn và đúng hạn cho cá nhân, tổ chức</p>	<p>Hoạt động 5</p> <p>Thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của đơn vị đảm bảo kịp thời, đúng quy định</p>	<p>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước, đúng hạn trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt tối thiểu 98%</p>	<p>Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn</p>	<p>Các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	<p>Trong năm</p>
6	<p>Mục tiêu 6</p> <p>Tối thiểu 70% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao</p>	<p>Nhiệm vụ 6</p> <p>Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Hoạt động 6</p> <p>Tổ chức thực hiện và thực hiện kiểm thử thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao</p>	<p>Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh; Các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	<p>Trong năm</p>

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7	<p>Mục tiêu 7</p> <p>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu mục tiêu Chính phủ giao</p>	<p>Nhiệm vụ 7</p> <p>Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về ý nghĩa, vai trò, hiệu quả và các tiện ích của dịch vụ công trực tuyến để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại, từ đó thay đổi nếp nghĩ, thói quen sử dụng</p>	<p>Hoạt động 7</p> <p>Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân, tổ chức thực nộp hồ sơ TTHC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và ứng dụng VNeID</p>	<p>Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao</p>	<p>Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Trong năm</p>
8	<p>Mục tiêu 8</p> <p>Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp tăng tối thiểu 20% so với năm 2024; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%; 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết</p>	<p>Nhiệm vụ 8</p> <p>Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính</p>	<p>Hoạt động 8</p> <p>Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính</p>	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt các cấp tăng tối thiểu 20% so với năm 2024</p>	<p>Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>Trong năm</p>

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ						
9	Mục tiêu 9 Cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, trong đó cắt giảm thời gian tối thiểu 30% trở lên	Nhiệm vụ 9 Thường xuyên rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện	Hoạt động 9 Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC; tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC (nội dung phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và các sáng kiến cải cách thủ tục hành chính; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi)	Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC; các sáng kiến cải cách thủ tục hành chính	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm
10	Mục tiêu 10 Rà soát 100% TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý, đề xuất phương án đơn giản hóa bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% quy định, TTHC và cắt giảm ít nhất 20% chi	Nhiệm vụ 10 Trước ngày 01/07/2022. 100% TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được rà soát, đơn giản hóa, đảm bảo đạt tỷ lệ cắt giảm tối thiểu 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ	Hoạt động 10 Văn bản chỉ đạo thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 4163/KH-UBND ngày 07/11/2022.	Văn bản hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	phí tuân thủ TTHC	TTHC.	Hoạt động 11 Hoàn thiện kết quả rà soát, đánh giá và dự thảo Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt	Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa	Các Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 4163/KH-UBND ngày 07/11/2022
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY (2 mục tiêu; 2 nhiệm vụ; 3 hoạt động)						
1	Mục tiêu 1 Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập một số cơ quan, đơn vị của Bộ Chính trị; kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị; giảm đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu	Nhiệm vụ 1 Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị và giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính	Hoạt động 1 Xây dựng phương án, Đề án sắp xếp, cơ quan, đơn vị theo quy định.	Đề án, Kế hoạch, Quyết định	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Nội vụ	Trong năm
			Hoạt động 2 Phương án, Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy được phê duyệt và tổ chức thực hiện	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
2	Mục tiêu 2 Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế hành chính; giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021	Nhiệm vụ 2 Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế hành chính; biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo lộ trình	Hoạt động 3 Báo cáo tình hình sử dụng biên chế năm 2025; Xây dựng Kế hoạch biên chế 2026	Báo cáo, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV/2025
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ (1 mục tiêu; 3 Nhiệm vụ; 6 Hoạt động)						
1	Mục tiêu 1 Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định	Nhiệm vụ 1 Ban hành quyết định điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Hoạt động 1 Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Tờ trình, Đề án	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
			Hoạt động 2 Quyết định điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		<p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Tiếp tục triển khai áp dụng vị trí việc làm để xác định biên chế, chỉ tiêu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, ngạch công chức chức danh nghề nghiệp viên chức, trình độ đào tạo cho phù hợp.</p>	<p>Hoạt động 3</p> <p>Ban hành Đề án, Kế hoạch tuyển dụng công chức. Kế hoạch nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức</p>	Đề án, Kế hoạch	Sở Nội vụ Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm
		<p>Nhiệm vụ 3</p> <p>Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức;</p>	<p>Hoạt động 4</p> <p>Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026</p>	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm, trình độ và năng lực trong thi hành công vụ.	Hoạt động 5 Phê duyệt chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm
			Hoạt động 6 Chủ trì tổ chức hoặc phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của tỉnh	Quyết định	Trường Cao đẳng Lai Châu; Trung tâm giáo dục thường xuyên-hướng nghiệp tỉnh; trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan	Trong năm
VI	Công tác cải cách tài chính công (4 mục tiêu, 4 nhiệm vụ, 4 hoạt động)						
1	Mục tiêu 1 Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Nhiệm vụ 1 Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập	Hoạt động 1 Ban hành Nghị quyết xây dựng chính sách theo chương trình công tác của UBND tỉnh	Nghị quyết, quyết định	Sở Tài chính	Các cơ quan có liên quan	Trong năm
2	Mục tiêu 2 Triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Nhiệm vụ 2 Triển khai thực hiện các văn bản của cấp trên	Hoạt động 2 Ban hành các văn bản về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Quyết định, báo cáo	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Trong năm

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Mục tiêu 3 Thực hiện việc sắp xếp lý nhà đất của các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Nhiệm vụ 3 Lập báo cáo kê khai cơ sở nhà đất	Hoạt động 3 Phê duyệt phương án sắp xếp xử lý nhà, đất của các Sở, ban ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố	Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp nhà đất	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
4	Mục tiêu 4 Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ 4 Các Sở ban ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, Thành phố báo cáo kết quả kiểm kê về Sở Tài chính	Hoạt động 4 Các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công gửi báo cáo và hồ sơ lên cơ quan cấp trên để duyệt báo cáo. Đối với cơ quan, đơn vị không có đơn vị trực thuộc thì gửi báo cáo và hồ sơ về Sở Tài chính để duyệt báo cáo.	Báo cáo kết quả tổng kiểm kê của tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
VII	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (2 mục tiêu, 4 nhiệm vụ, 4 hoạt động)						
1	Mục tiêu 1 Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	Nhiệm vụ 1 Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2025; Thuê đường truyền Internet duy trì Trung tâm dữ liệu Tỉnh Lai Châu.	Hoạt động 1 Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II và đường truyền Internet để thực hiện triển khai đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, phục vụ triển khai các hệ thống bắt buộc chạy trên	Đường truyền số liệu và đường truyền internet đảm bảo hoạt động 24/7 của cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trong năm

			đường truyền số liệu chuyên dùng và triển khai đường truyền Internet duy trì hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Lai Châu				
		Nhiệm vụ 2 Thuê Hệ thống quản lý văn bản và điều hành năm 2025	Hoạt động 2 Thuê, vận hành tốt Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn toàn tỉnh.	Hệ thống quản lý văn bản điều hành đảm bảo gửi nhận 100% văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
		Nhiệm vụ 3 Vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh và Trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu	Hoạt động 3 Vận hành tốt và đảm bảo hoạt động Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu được thường xuyên, thông suốt 24/7 để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Tạo dựng hệ thống công cụ để các cơ quan nhà nước thuận lợi, đồng bộ trong việc phối hợp thực thi các hoạt động theo thời gian thực. Đảm bảo an toàn thông tin của hệ thống mạng trên phạm vi toàn tỉnh;...	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trong năm
2	Mục tiêu 2 Bồi dưỡng, phát triển nhân lực cho chuyển đổi số	Nhiệm vụ 4 Diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn, an ninh mạng tỉnh Lai Châu	Hoạt động 4 Tổ chức diễn tập thực chiến nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, kiêm	Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trong năm

			nhiệm về công nghệ thông tin, chuyên đổi số, an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu				
--	--	--	---	--	--	--	--